

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁN BỘ - GIÁO VIÊN- NHÂN VIÊN TỪ 6/10/2025 - HỌC KÌ I NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Quyết định số 110/QĐ-THPTLN ngày 01 tháng 10 năm 2025)

TT	Họ và tên	CV-CD	CM	Phân công nhiệm vụ							TST CHÍNH H THỨC (chưa tính GDĐP, TN3,B DHSG)	Kiêm nhiệm		TS tiết (CT+K N)
					TN HN1 BGH	TN TN2-	TNHN3 tập trung BGH- Đoàn TN - GV thiếu tiết (Dạy theo bảng pc riêng)	GDĐP (Dạy theo bảng pc riêng)	Ôn thi TN (2t/lớp/ tuần)	BD HSG (14t)		TT,TP, BTĐTN, PBTĐTN, chủ nhiệm, Thư ký HĐ, TTrND TVHĐ, CNTT	Số tiết KN	
1	Trần Hồng Phước	HT	Văn	PT chung, CM, Tài chính, Tổ chức, HC	x		x				15	HĐTNHN 1,3	2	17
2	Trần Thị Mỹ Huệ	PHT	Văn	Chuyên môn	x		x				13	HĐTNHN2,3; GDĐP.	4	17
3	Nguyễn Văn Thạch	PHT	Anh	CM, Đoàn thể, pháp chế; Anh 10a11 ³	x		x				16	HĐTNHN1; 3	1	17
4	Lường Khắc Sự	TT	Toán	12a1 ⁴ ; 12a11 ⁴ ; 10a3 ³					12a1,11	x	15	TTCM ³	3	18
5	Lê Văn Hùng	GV	Toán	11a13 ⁴ ; 10a8 ³ ; 11a4 ⁴		11a13					12	CN 11a13 ⁴	4	16
6	Văn Công Vương	TP	Toán	11a7 ⁴ ; 11a10 ⁴ ; 10a2 ⁴ ; 10a11 ⁴							16	TPCM ¹	1	17

7	Dương Thị Hằng	GV	Toán	12a2 ⁴ ;12a9 ⁴ ;11a8 ⁴					12a2,9	x	16	CN 12a9 ⁴	4	20
8	Nguyễn Văn Tiên	GV	Toán	11a11 ⁴ ; 11a12 ⁴ ;10a9 ⁴		10a4;13		x			14			14
9	Tô Thị Mỹ Hạnh	GV	Toán	12a3 ⁴ ; 12a8 ⁴		12a8			12a3,8		13	CN 12a8 ⁴	4	17
10	Nguyễn Minh Dũng	GV	Toán	12a5 ⁴ ; 12a12 ⁴		12a12			12a5,12		13	CN 12a12 ⁴	4	17
11	Lê Thanh Long	GV	Toán	11a1 ⁴ ; 11a5 ⁴ ; 10a1 ⁴ ;10a6 ³							15	CN 11a5 ⁴	4	19
12	Nguyễn Trần Phước Toàn	GV	Toán	12a4 ⁴ ;12a10 ⁴		12a4			12a4,10		13	CN 12a4 ⁴	4	17
13	Phạm Thị Diễm Hương	GV	Toán	Nghi hộ sản										0
14	Phan Thị Hoan	GV	Toán	12a6 ⁴ ; 10a13 ⁴ ;10a4 ³					12a6		13	CN 10a13 ⁴	4	17
15	Trần Thị Dung	GV	Toán	11a3 ⁴ ; 11a9 ⁴ ; 10a12 ⁴		10a12					13	CN 10a12 ⁴	4	17
16	Lê Bá Hạnh	GV	Toán	12a7 ⁴ ; 10a5 ⁴ ; 10a10 ⁴ ; 10a7 ³					12a7		17		0	17
17	Trần Quốc Bảo	GV	Toán	11a2 ⁴ ; 11a6 ⁴ ; 11a14 ⁴		11a14					13	CN 11a14 ⁴	4	17
18	Võ Khắc Sanh	TT	Lí	12a1 ³ ; 12a4 ³ ; 10a1 ³					12a1,4	x	13	TTCM ³	3	16
19	Nguyễn Thanh Tình	GV	Lí	11a2 ³ ; 10a3 ³ ; a5 ³ ; CNCN11a2 ²		11a2		x			12	CN 11a2 ⁴	4	16
20	Vũ Thái Hân	TP	Lí	12a5 ³ ; 12a6 ³ ; 10a6 ³		12a5			12a5		12	TPCM ¹ , CN12a5 ⁴	5	17
21	Bùi Thị Thanh Hậu	GV	Lí	12a3 ³ ; 12a8 ³		12a3		x	12a3		9	CN12a3 ⁴ ; TVHĐ ³	7	16
22	Phạm Văn Phụng	GV	Lí	10a4 ³ , 10a7 ³ ; 12a7 ³ , 12a9 ³						x	12	CN 10a4 ⁴	4	16
23	Nguyễn Thị Lệ Thanh	GV	Lí	12a2 ³ ; 11a4 ³ , 8 ³					12a2		11	CN12a2 ⁴ ; TKHĐ ²	6	17
24	Đặng Hoàng Duy	GV	Lí	10a2 ³ , 8 ³ , 12 ³ , 13 ³				x			12			12
25	Nguyễn Thái Sơn	GV	Lí	11a3 ³ , 6 ³ , 7 ³ ; CNCN 11a3 ²		11a1,3					13	CN 11a3 ⁴	4	17
26	Nguyễn Thị Thúy Vân	GV	Lí	10a9 ³ , 10 ³ , 11 ³ ; 11a5 ³		10a11					13	CN 10a11 ⁴	4	17
27	Phạm Đức Hải	TT	Hóa	12a1 ³ ; 10a1 ³		12a1			12a1	x	9	TTCM ³ , CN12a1 ⁴	7	16
28	Tô Thị Mỹ Dung	GV	Hóa	10a6 ³ , 10a8 ³		12a2,6,7	x	x			10			10

29	Lê Thanh Tùng	GV	Hóa	10a3 ³ , 10a7 ³ ; 12a10 ³		10a6;7		x			11	CN 10a7 ⁴	4	15
30	Bùi Xuân Thọ	GV	Hóa	11a2 ³ , 11a4 ³ , 11a9 ³		11a4,7		x			11	CN 11a4 ⁴	4	15
31	Trần Hải Nam	GV	Hóa	11a1 ³ ; 12a2 ³ , 12a3 ³					12a2,3	x	13	CN 11a1 ⁴	4	17
32	Lê Sĩ Minh	GV	Hóa	11a10 ³			x	x			4	P.BTĐTN ^{7,5}	7.5	12
33	Nguyễn Thu Huyền	GV	Hóa	10a2 ³ , 10a4 ³ ; 11a3 ³		10a2;11a8					11	CN 10a2 ⁴	4	15
34	Nguyễn Hoàng Nguyên	TP	GDTC	12a3,4,5,6,7; 10a1,2,3							16	TPCM ¹	1	17
35	Trương Văn Có	GV	GDTC	12a10,11,12; 11a10,11,12,13,14							16			16
36	Đặng Sơn Thùy	GV	GDTC	11a1 --> 11a9							18			18
37	Hoàng Thiên Vũ	GV	GDTC	10a4,5,6,7,8							10			10
38	Hà Văn Tùng	GV	GDTC	10a9,10,11,12,13							10			10
39	Nguyễn Ngọc Hoài	TP	QPAN	GDQP 12a1 --> 12; GDTC 12a1,2						x	16	TPCM ¹	1	17
40	Dương Thế Sung	GV	QPAN	GDQP 11A1 --> 11A13; GDTC 12a8,9						x	17			17
41	Bùi Thị Kim Liên	GV	QPAN	11a14; 10a1 --> 10a13			x				14	Tập sự ²	2	16
42	Phạm Thanh Xuân	TT	CNCN	11a1 ^{2,4} ; 12a4 ^{2,5,6}							10	TTCM ³	3	13
43	Trương Khắc Nam	GV	CNNN	12a11 ²							2	BTĐTN ¹⁵	15	17
44	Võ Thị Thanh Thúy	GV	CNNN	11a5 ^{3,6,7,8} ; 12a7 ^{2,8,9}							17	0	0	17
45	Chiến Thị Hoàng Lan	GV	Sinh	10a2 ^{2,3,4} ; 11a1 ³		10a3				x	10	CN 10a3 ⁴	4	14
46	Nguyễn Thị Thu Trang	GV	Sinh	10a1 ² ; 12a1 ^{2,2,3}		10a1		x	12a1	x	11	TPCM ¹ , CN 10a1 ⁴	5	16
47	Phạm Thị Thùy Mỹ	GV	Sinh	11a11 ^{3,12} , 13 ^{2,14} ; CNNN 12a12 ²							12		0	12
48	Nguyễn Văn Kế	TP	Tin	12a1 ^{2,2,4,5,6,7,8} , 12 ²							16	TPCM ¹	1	17
49	Lê Thị Khoa	GV	Tin	12a3 ^{2,9,10,11} ; 11a5 ^{2,7}						x	12	CN 11a7 ⁴	4	16

50	Phan Thị Thương	GV	Tin	10a12 ^{3,13³} ; 11a4 ^{2,10²}						10	CN11a10 ⁴ , CNTT ³	7	17
51	Đỗ Văn Cường	GV	Tin	10a9 ^{3,10³} ; 11a12 ^{2,13³}		11a10,12				13	CN11a12 ⁴	4	17
52	Nguyễn Thị Kim Oanh	GV	Tin	11a6 ^{2,9²,11²} ; 10a1 ^{2,2,11³}		11a6				14	CN 11a6 ⁴	4	18
53	Lê Thị Mỹ Văn	GV	Tin	10a3 ^{3,4³,5³,6²,7²,8²}						15			15
54	Vũ Thị Thùy Dung	GV	Tin	11a1 ^{2,2²,3²,8³,14³}					x	12	CN 11a8 ⁴	4	16
55	Đỗ Thị Hải Yến	TT	Văn	12a8 ⁴ ,a9 ⁴ ; 11a8 ³				12a8,9	x	15	TTCM ³	3	18
56	Nguyễn Thúy Hằng	TP	Văn	12a1 ³ , 12a10 ⁴ ; 10a5 ³ ,13 ³				12a1,10	x	17	TPCM ¹	1	18
57	Mai Như Anh Đào	GV	Văn	12a5 ⁴ ,12a11 ⁴ ; 10a1 ³ ,10a4 ³				12a5,11		18			18
58	Nguyễn Thị Hồng Thy	GV	Văn	12a3 ³ ,12a4 ⁴ ;11a4 ³ ,11a7 ³				12a3,4		17			17
59	Bùi Thiện Thảo	GV	Văn	12a7 ⁴ ,12a12 ⁴				12a7,12		12	CN 12a7 ⁴	4	16
60	Nguyễn Thị Thái Thanh	GV	Văn	11a2 ³ ,a3 ³ ,a6 ³ ,a9 ³ ,a14 ³						15			15
61	Phạm Thị Kim Tuyền	GV	Văn	10a7 ⁴ ,a8 ⁴ ; 11a10 ³ , a12 ³ , a13 ³						17			17
62	Trần Thị Hương	GV	Văn	11a1 ³ , a5 ³ , a11 ³ ; 10a2 ³ , a10 ³						15			15
63	Lại Thị Hồng Hải	GV	Văn	12a2 ³ ,12a6 ⁴ , 10a6 ⁴				12a2,6		15	CN 10a6 ⁴	4	19
64	Đỗ Thị Thanh Nga	GV	Văn	10a3 ³ , 9 ³ ,11 ³ ,12 ³		10a9				13	CN 10a9 ⁴	4	17
65	Lại Thị Ngọc Loan	TT	Địa	12a6 ^{2,9²,12²} ; 10a5 ²				12a6,9,12	x	15	TTCM ³	3	18
66	Tạ Thị Lịch	GV	Địa	12A7 ^{2,10²,11²} ; 10a6 ² ,12 ² ,13 ²				12a7,10	x	17	0		17
67	Phạm Bá Nhâm	GV	Địa	10a7 ^{2,8²,9²,10²,11²} ; 11a9 ² ,10 ² ,11 ² ,14 ²						18	0		18
68	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	GV	Địa	12a4 ^{2,5²,8²} ; 11a5 ^{2,6²,7²,12²,13²}						16	0		16
69	Phan Ngọc Thịnh	TP	Sử	12a9 ^{2,5²,12³} ; 11a9 ³ ,10 ³ , 11 ³				12a9,12	x	19	TPCM ¹	1	20
70	Huỳnh Thị Trúc Loan	GV	Sử	12a1 ^{2,2²,3²} ;11a1 ^{2,2²,3²,4²,5²,6²}					x	19			19

[illegible]

